

Số: 56 /2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi vi phạm hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 281/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban tỉnh hành Quyết định quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi vi phạm hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục tình

trạng ban đầu của đất đối với hành vi vi phạm hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP xảy ra trên địa bàn tỉnh Sơn La, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác, gồm:

a) Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (*sau đây gọi là cá nhân*);

b) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư;

c) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định này.

Điều 3. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Những hành vi làm suy giảm chất lượng đất và làm biến dạng địa hình của đất mà trên thực tế không thể áp dụng được các biện pháp kỹ thuật để đưa diện tích đất vi phạm trở lại có chất lượng đất và mục đích sử dụng đất nông nghiệp trước khi vi phạm, gồm các trường hợp sau:

1. Hành vi làm suy giảm chất lượng đất

a) Làm mất độ dày tầng đất đang canh tác dẫn đến làm mất khả năng sử dụng đất đã được xác định.

b) Làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng.

c) Gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp dẫn đến làm mất khả năng sử dụng đất đã được xác định.

2. Hành vi làm biến dạng địa hình đất

a) Làm thay đổi độ dốc bề mặt đất làm mất khả năng sử dụng đất đã được xác định; hạ thấp bề mặt đất dẫn đến làm mất khả năng sử dụng đất đã được xác định.

b) San lấp đất có mặt nước chuyên dùng (*trừ hồ thủy lợi*); san lấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất khả năng sử dụng

đất theo mục đích đã được xác định (*trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận*).

Điều 4. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi vi phạm hủy hoại đất

1. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất nông nghiệp

Thực hiện cải tạo đất để canh tác cây trồng, trồng rừng theo đúng mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này; thực hiện loại bỏ các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn sỏi, đá hay đất có thành phần khác ra khỏi diện tích đất để canh tác cây trồng, trồng rừng theo đúng mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này; thực hiện cải tạo đất để canh tác cây trồng, trồng rừng theo đúng mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm đối với hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

2. Trường hợp làm biến dạng địa hình đất nông nghiệp

Thực hiện cải tạo đất để canh tác cây trồng, trồng rừng theo đúng mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm và đảm bảo không ảnh hưởng đến các thửa đất xung quanh.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành quy định mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về đất đai đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện xong thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành.

b) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính đã lập biên bản vi phạm hành chính mà chưa ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì xử lý như sau:

Trường hợp hết thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành

chính thì không ban hành quyết định xử phạt nhưng phải ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp Nghị định số 123/2024/NĐ-CP và Quyết định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng theo Quyết định này.

Trường hợp còn thời hạn ban hành quyết định xử phạt thì mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng theo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp Nghị định số 123/2024/NĐ-CP và Quyết định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng theo Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Sơn La;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Việt